TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thanh Nguyên;

2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 212/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn O, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 24, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh An Giang,(có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 05, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn O trình bày yêu cầu:

Vào ngày 19/5/2012 ông O có cho ông T vay 4,99 chỉ vàng 18kara có giá trị tại thời điểm vay là 3.296.000đ/chỉ, bằng tổng số tiền 16.450.000đ. ông T có làm biên nhận ngày 19/5/2012 về việc có vay số vàng trên từ ông O. Khi vay vàng ông T có hứa chỉ vay trong vòng 10 ngày sẽ hoàn trả lại số vàng cho ông O, nhưng ông không trả đến ngày 01/6/2013 ông T trả cho ông O bằng 03 con heo tương đương 7.030.000đ sau đó ông T không trả tiếp số tiền còn lại là 9.420.000đ cho ông O. Tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ông O yêu cầu ông T trả số tiền 9.420.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/6/2013 cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa hôm nay ông O yêu cầu ông T trả bằng vàng tương đương số tiền còn lại và không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Biên nhận ngày 19/5/2012.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tại biên bản hòa giải và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần T trình bày:

Vào ngày 19/5/2012 ông có mượn số vàng của ông O là 4,99 chỉ vàng 18kara. Mục đích mượn vàng để chi tiêu sinh hoạt trong lúc gia đình gặp khó khăn. Hơn một năm sau vào ngày 01/6/2013 ông T có giao 03 con heo cho ông O tương đương 7.030.000đ để trừ vào số vàng đã mượn. Nay ông O yêu cầu ông T trả hết số tiền còn lại là 9.420.000đ thì ông O không đồng ý trả tiền mà ông chỉ thống nhất trả bằng vàng và có ý kiến ông sẽ trả hết 4,99 chỉ vàng 18kara cho ông O và ông O phải trả lại số tiền của 03 con heo tương đương 7.030.000đ cho ông T.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và do bị đơn ông Trần T có nơi cư trú tại: Tổ 05, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông O yêu cầu ông T trả số vàng 18kara tương đương giá trị 9.420.000đ. Hội đồng xét xử nhận định theo biên nhận ngày 19/5/2012 có nội dung "*Tôi tên Trần T có nhận mượn của ông Nguyễn O, sinh năm 1970; ngụ ấp N, xã L. Số vàng là 4,99 chỉ vàng 18 nay viết*

biên nhận để ông O làm bằng". Đồng thời ông T cũng đã thừa nhận có mượn số vàng trên của ông O. Do đó, Việc hai bên đã thực hiện việc giao nhận tài sản (vàng) thực tế đã xảy ra. Nhưng xét về giá trị vàng tại thời điểm mượn vàng có giá 3.296.000đ/chỉ vàng 18kara. Còn tại thời điểm xét xử hôm nay có giá 3.020.000đ/chỉ là có sự chênh lệch về giá theo hướng bất lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử áp dụng giá tại thời điểm xét xử để giải quyết vụ án. Cụ thể được tính như sau: Số vàng ông O cho ông T mượn là 4,99 chỉ vàng 18kara tại thời điểm xét xử hôm nay 3.020.000đ x 4,99 chỉ = 15.069.800đ. Ông T đã trả số tiền của 03 con heo bằng 7.030.000đ: 3.020.000đ/chỉ = 2,33 chỉ. Do đó, ông T phải trả hết số vàng còn lại cho ông O là 2,66 chỉ vàng 18kara (tương đương 8.039.542đ để tính án phí). Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T phải trả cho ông O 2,66 chỉ vàng 18kara. Theo quy định tại Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Xét về ý kiến của bị đơn cho rằng đồng ý trả hết số vàng 4,99 chỉ vàng 18kara cho nguyên đơn nhưng với điều kiện nguyên đơn phải trả lại số tiền của 03 con heo là 7.030.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận ý kiến này của bị đơn, bởi lẽ số tiền 7.030.000đ là việc bị đơn phải thanh toán một phần trong hợp đồng vay tài sản (vàng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền (vàng) nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận là 2,66 chỉ vàng 18kara (tương đương 8.039.542đ để tính án phí) quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn O về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc ông Trần T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn O số vàng 2,66 chỉ vàng 18kara.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn ông Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 401.977đ (*Bốn trăm lẻ một nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng*).

+ Nguyên đơn Nguyễn O được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0012096 ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện TT;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ký tên, đóng dấu)

Sơn Thị Thúy Liễu